

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 362/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-12-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Điệp;

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 281/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 8 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên anh H và chị T kết hôn với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì trong lúc anh H đi ghe biển chị T ở nhà tự ý dọn đồ về nhà cha mẹ

ruột của chị T ở nên anh H và chị T sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không thể duy trì nên anh H yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị T.

- Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Ngọc Như P, sinh ngày 21/4/2018 (nữ) hiện đang sống chung với anh H. Khi ly hôn anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn là chị Võ Thị T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà chị T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của anh H. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị T không tham gia nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn chị Võ Thị T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng H và chị Võ Thị T có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên kết hôn với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 179 ngày 27 tháng 12 năm 2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh H và chị T được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, anh H xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và trong lúc anh H đi ghe biển chị T ở nhà tự ý dọn đồ về nhà cha mẹ ruột của chị T ở nên anh H và chị T sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Mặt

khác, chị T đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng chị T vẫn vắng mặt, từ đó cho thấy chị T không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H. Anh H được ly hôn với chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Ngọc Như P, sinh ngày 21/4/2018 (nữ) hiện đang sống chung với anh H. Khi ly hôn anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con. Xét thấy, từ khi anh H và chị T sống ly thân cho đến nay thì cháu P vẫn sống chung với anh H, cuộc sống của cháu đã được ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, giao con tên Nguyễn Ngọc Như P, sinh ngày 21/4/2018 (nữ) cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên anh H phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng H. Anh Nguyễn Trọng H được ly hôn với chị Võ Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Trọng H nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Nguyễn Ngọc Như P, sinh ngày 21/4/2018 (nữ).

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, anh H phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, anh H có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004233 ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo